



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

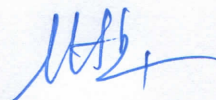
Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.05.18 / TN - 24

Trang/Page: 01 / 02

- |                        |                                                                                     |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên mẫu thử:        | Đèn LED Downlight nổi trần NT01 110/15W 3000K                                       |
| Name of sample         |                                                                                     |
| 2. Khách hàng:         | CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG                                       |
| Customer               | Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội |
| 3. Nhà sản xuất:       | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông                                       |
| Manufacturer           |                                                                                     |
| 4. Số lượng mẫu:       | 01 cái                                                                              |
| Quantity of samples    |                                                                                     |
| 5. Ký hiệu:            | NT01 110/15W                                                                        |
| Model                  |                                                                                     |
| 6. Mã số mẫu:          | 24.05.18.24                                                                         |
| Code of sample         |                                                                                     |
| 7. Ngày nhận mẫu:      | 18/ 05/ 2024                                                                        |
| Date of reception      |                                                                                     |
| 8. Tiêu chuẩn áp dụng: | TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014                                                  |
| Standard applies       | TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014                                             |
| 9. Kết quả:            | Xem trang 02/ 02                                                                    |
| Result                 |                                                                                     |

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 27/ 05/ 2024  
KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- 1- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in by customer  
2- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.  
3- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

## Test Results

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                                                   | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method                                                      | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                                                         |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014<br>TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ $(20 \div 30)^{\circ}\text{C}$ , độ ẩm tương đối $(91 \div 95) \% \text{RH}$ |                |                                                                                     |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                                                               | M $\Omega$     |                                                                                     | $\geq 2$                               | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 1440 V/1 phút, tần số 50 Hz                                                            |                |                                                                                     | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                                                             |                |                                                                                     |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                                                                        | W              |                                                                                     | $\leq 15 + 10\%$                       | 15,3              |
| 3.2       | Dòng điện                                                                                                        | mA             |                                                                                     | --                                     | 122,6             |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                                                  |                |                                                                                     | $\geq 0,5 - 0,05$                      | 0,565             |
| 3.4       | Quang thông                                                                                                      | lm             |                                                                                     | $\geq 1\ 050 - 10\%$                   | 1 235             |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                                                              | lm/W           |                                                                                     | $\geq 70 - 20\%$                       | 80,9              |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                                                    | K              |                                                                                     | --                                     | 3 085             |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                                                                         |                |                                                                                     | $\geq 80 - 3$                          | 84,6              |